

Những đặc trưng trong lĩnh vực văn hóa mặc của văn hóa truyền thống Hàn Quốc và Việt Nam

• **Trần Thị Thu Lương**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Nhu cầu về mặc nằm trong nhóm nhu cầu bảo đảm sự sinh tồn của con người và xã hội con người. Mặc là thành tựu văn hóa đối phó với môi trường tự nhiên cùng với quá trình phát triển xã hội trang phục còn đóng vai trò tín hiệu của nhiều thông điệp về địa vị xã hội, về nghề nghiệp, về điều kiện kinh tế, thị hiếu thẩm mỹ của người mặc. Vì vậy trong cấu trúc cơ bản

của văn hóa tổ chức đời sống vật chất thì mặc là một trong bộ ba (ăn - ở - mặc) biểu hiện sâu sắc đặc trưng văn hóa của chủ thể. Bài báo trình bày những đặc trưng nổi bật của văn hóa mặc thường dân thường ngày của cư dân Việt Nam và Hàn Quốc thời kỳ văn hóa truyền thống (trước khi tiếp xúc với văn hóa phương Tây).

Từ khóa: đặc trưng văn hóa mặc, văn hóa truyền thống Việt Nam, Hàn Quốc

Nhu cầu về mặc nằm trong nhóm nhu cầu bảo đảm sự sinh tồn của con người và xã hội con người bởi vì mặc trước hết cũng là thành tựu văn hóa đối phó với môi trường tự nhiên, tránh những bất lợi môi trường tác động đến sức khỏe con người. Sau đó cùng với quá trình phát triển của xã hội trang phục còn đóng vai trò tín hiệu của nhiều thông điệp: về địa vị xã hội, về đẳng cấp, về nghề nghiệp, về chức tước, về điều kiện kinh tế, về tôn giáo, về loại sự kiện (chẳng hạn như lễ hội, đám cưới, tang ma v.v.) Nó đồng thời cũng biểu đạt đặc sắc thị hiếu và thẩm mỹ của người mặc. Trên phương diện giao lưu văn hóa, trang phục là tín hiệu đại diện cho tộc người nên nó cũng luôn cho ảnh hưởng và nhận ảnh hưởng của nhiều nền văn hóa khác. Do đó trang phục là một lĩnh vực *động*. Nó bị chi phối để thích hợp với những điều kiện khí hậu khác nhau của từng mùa, từng quốc gia, khu vực, thích hợp với yêu cầu của hệ thống tín hiệu thông tin mà nó phải thể hiện đồng thời cũng phải thích hợp với thị hiếu

của từng giai đoạn lịch sử. Thêm nữa, trang phục bao gồm tất cả những thứ được *mặc, đeo, đội, mang, buộc v.v...* trên các bộ phận cơ thể con người. Do đó nó rất đa dạng và mỗi thứ trang phục cho mỗi bộ phận cơ thể chẳng hạn *cho đầu* (mũ, khăn, nón, dải buộc), *cho mắt* (kính các loại), *cho tai, cổ, cổ tay, ngón tay, tóc...* (là đủ loại trang sức bông tai, dây chuyền, nhẫn, vòng tay, lắc, đồ cài tóc...), *cho bụng* (dây lưng, thắt lưng), *cho đôi chân* (là các loại giày dép v.v.) và quan trọng nhất *cho thân người* (đồ mặc bên trên, đồ mặc bên dưới) đều có một lịch sử biến đổi phát triển đa dạng và phong phú. Vì vậy việc nghiên cứu để tìm ra đặc trưng xuyên suốt qua lịch sử, xuyên suốt mọi dạng của trang phục của văn hóa Hàn Quốc và văn hóa Việt Nam là một công việc không dễ dàng, đòi hỏi sự khảo sát rất công phu. Trong khuôn khổ bài viết này phần nghiên cứu trang phục chỉ giới hạn chủ yếu ở đồ mặc trên thân người (đồ mặc trên mặc dưới của nam và nữ). Mặt khác do sự rộng lớn của vai trò tín hiệu

ở trang phục nên chỉ giới hạn ở văn hóa mặc của thường dân thường ngày, không đề cập đến trang phục cung đình và trang phục của quý tộc cũng như trang phục trong các sự kiện đặc biệt hôn lễ hay tang ma. Khác với lĩnh vực ăn, ở, trang phục mang tính chất rõ nét của tín hiệu bản sắc để phân biệt tộc người này với tộc người khác do đó các đặc trưng riêng thường là nổi trội và chủ yếu.

1. Đặc trưng văn hóa mặc của người Việt thời kỳ truyền thống

1.1. Tính giản dị, tiện lợi là đặc trưng trước hết của văn hóa mặc của người Việt

Tính giản dị thể hiện ở các phương diện sau:

a. Trang phục của thường dân thời kỳ truyền thống của người Việt nhìn chung khá giản dị về kiểu dáng và hình thức.

-*Với phụ nữ:* đồ mặc bên dưới ổn định suốt thời kỳ truyền thống cho đến hết thời Đại Việt là các



404- Woman smoker (water bowl pipe) - Postcard. Hút điếu bát.

Hình 1. Phụ nữ Việt Nam trong trang phục yếm

-*Với đàn ông:* đồ mặc bên dưới khi lao động phổ biến là *khố*. Khố là một loại đồ mặc tối giản, chỉ gồm một miếng vải dài quấn quanh bụng một hay nhiều vòng, luồn từ trước ra sau rồi buộc thõng phần cuối ở phía trước hay phía sau. Khi đóng khố thì sẽ không có đồ mặc phía trên và “*cởi trần đóng khố*” là y phục đặc trưng của đàn ông thời Giao

kiểu váy đơn giản hoặc quấn quanh thân hoặc may nối hai mép miếng vải thành hình ống.

Đồ mặc bên trên cũng khá ổn định là *yếm* với kiểu dáng đơn giản đó là một mảnh vải vuông đặt chéo phía trước. Góc ở phía cổ được khoét hình bán nguyệt hai bên có hai sợi dây buộc vào cổ, hai góc hai bên có hai sợi dây để buộc sau lưng cổ định yếm để che phần ngực. Ngoài yếm, phụ nữ thời kỳ Đại Việt thường mặc *áo tứ thân* may từ bốn mảnh vải, hai mảnh sau ghép liền ở giữa sống lưng, đằng trước là hai vạt áo buông thõng không có khuy khi mặc buộc thắt vào nhau. Sau này còn cải biến thành *áo năm thân*. “*Áo năm thân cũng may như áo tứ thân, chỉ có điều vạt trước phía trái may ghép từ hai thân vải thành ra rộng gấp đôi vạt phải để bên ngoài gọi là vạt cả đè lên vạt phải phía trong gọi là vạt con*”. [Trần Ngọc Thêm 2001: 385].



Hình 2. Lính Giao Chi vẽ năm 1590 trong Boxer Codex và lính cầm cờ dất ngựa thời Lê

Chi. Loại y phục tối giản cho đàn ông này được bảo lưu khá lâu dài trong các giai đoạn sau. Cho đến thời Đại Việt chúng ta có thể thấy lối trang phục này qua hình ảnh người lính tập võ nghệ trên thập góm đời Trần.

“*Đặc biệt bức họa “Đám ma của một quý tộc Đàng ngoài” và “Đội rước kiệu vua Lê do S. Baron*

vẽ khoảng những năm 1683 thể hiện những người đàn ông khiêng quan tài và phụ khiêng kiệu vua vẫn cởi trần đóng khố. Chúng tôi theo quan niệm của người Việt xưa cởi trần đóng khố được coi là việc hết sức bình thường, dung dị được sử dụng ngay cả trong những trường hợp tưởng như cần phải lịch sự và trang nghiêm nhất.” [Trần Quang Đức 2013: 85, 86].

Ngoài ra như chúng ta đã biết, tục xăm mình các hình giao long được xem là một đặc điểm của bề ngoài người Việt cổ. Đặc điểm này cũng gián tiếp phản ánh về trang phục tối giản đóng khố cởi trần của người Việt bởi vì hình xăm trên cơ thể để cho người khác thấy được chỉ có thể ở trên cơ thể để trần. “Vào thời Trần, Marco Polo ghi nhận, tại Giao Chỉ “thông thường cả đàn ông lẫn phụ nữ đều vẽ trên người nhiều hình thù như sư tử, rồng, chim chóc, vân vân, và các hình đó được vẽ bằng kim để tránh bị phai mất”. [Đại Việt Sử ký toàn thư, dẫn theo Trần Quang Đức 2013: 87].

Khố và yếm trở thành hai loại trang phục cổ truyền và đi vào chuẩn mực mỹ cảm của người Việt qua ca dao:

“Đàn ông đóng khố đuôi lươn

Đàn bà yếm thắm hở lườn mới xinh”

Ngoài khố, đàn ông Việt còn có đồ mặc dưới là quần nhưng theo Trần Quang Đức, quần này là loại đồ mặc bên dưới được may ghép từ năm, sáu hoặc tám tấm vải vây quanh eo, chứ không phải là quần có hai ống xỏ vào hai chân như chúng ta vẫn quan niệm. Loại quần may bằng vải ghép lại đó còn được gọi là *thường*. Đàn ông Đại Việt mặc đồ bên dưới may bằng vải, dưới lớp áo gọi là *quần* hoặc *thường* và thời Nguyễn gọi là *Xiêm*. Theo hình vẽ người Việt trong *Trúc lâm đại sĩ xuất sơn đồ* và *Tam tài đồ hội* thì có thể thấy nam giới người Việt thế kỷ XIV, XV không mặc quần dài, để lộ bắp chân trần. Cách ăn vận giản tiện này từng được Cristoforo Borri (khoảng năm 1613) mô tả “Đàn ông thay vì mặc quần dài thì dùng cả một tấm vải quấn lại,

phía trên mặc thêm năm hoặc sáu mảnh áo dài rộng” [Trần Quang Đức 2013: 68, 69, 137].

Tóm lại chúng ta có thể thấy rằng trang phục phía trên và phía dưới thân người của người Việt cho đến hết thời kỳ Đại Việt là loại trang phục giản dị về kiểu dáng và hình thức. Văn hóa mặc của người Việt thiên về tính ứng dụng tiện lợi trong điều kiện thời tiết nóng, địa hình nhiều sông suối và điều kiện lao động nông nghiệp lúa nước. Các loại quần áo đều thoáng, hở, ngắn và giản tiện tối đa để mát và tiện lợi trong lao động. Ngoài quần áo giản dị thì người Việt trong đời sống hàng ngày ít đi giày dép mà thường đi chân đất. Trong sách Trung Quốc *Lĩnh ngoại đại đáp*, Chu Khứ Phi mô tả người Việt thời Lý “Người nước ấy áo thâm, răng đen, búi tóc chuy kể, đi đất, sang hèn đều như vậy.” [Trần Quang Đức 2013: 88].

Ghi chép của sứ thần nhà Nguyễn Trần Cương Trung năm 1292 về việc ưa đi chân đất của người Việt “dân đều đi đất [...] da chân họ rất dày leo núi như bay gai góc cũng không sợ”. An Nam Chí Nguyên dẫn sách *Giao Chỉ thông chí* cho biết “Dân đều đi đất”, chỉ có người cao sang mới đi giày da” [Trần Quang Đức 2013: 136]. Nguyên do của việc đi đất để đầu trần được Lê Quý Đôn giải thích “vì nước ta là nơi nóng nực, ẩm thấp, nhân dân lúc thường không đội khăn (mũ), không đi giày, động tác mới được thuận tiện, việc này thành thói quen không thay đổi được.” [Lê Quý Đôn, *Kiến Văn tiểu lục* 1977-1978, dẫn theo Trần Quang Đức 2013: 137].

b/. Trang phục người Việt thường ngày ưa gam màu trầm (đen, gụ, nâu hoặc màu trắng) không ưa màu sắc sỡ.

Chu Khứ Phi mô tả người Việt thời Lý “áo thâm, răng đen”, sứ thần nhà Nguyễn Trần Cương Trung nhận xét: “Người trong nước đều mặc màu đen, áo đen bốn vạt cổ tròn làm bằng lụa. Phụ nữ cũng mặc áo đen, song áo trắng bên trong lộ rõ ra ngoài, ôm lấy cổ, rộng bốn tấc là khác biệt. Các màu xanh, đỏ, vàng, tím tuy nhiên không có”.

[Nguyễn Thị ký sự, dẫn theo Trần Quang Đức 2013: 135].

Jerome Richard miêu tả người Việt Đàng ngoài năm 1778 “*Những người phụ nữ nói chung ăn mặc khá khiêm nhã. Họ mặc những chiếc váy dài và một hoặc nhiều áo cùng kiểu như nam giới nhưng chúng ngắn hơn. Họ buộc quanh ngực một chiếc yếm là một mảnh vải hoặc một mảnh lụa có hình trái tim dùng để làm đẹp cho họ [...]. Quần áo cư dân Đàng ngoài đa dạng về màu sắc. Thông thường nhất là màu trắng, có nghĩa là màu sắc tự nhiên của lụa hoặc vải. Màu đen phù hợp với những người được trong vọng nhất.*”

Thanh Triều văn hiến thông khảo cũng có ghi nhận tương tự: “*Đàn ông đàn bà (Việt) đều xõa tóc, đi đất. Quần áo hoặc làm bằng vải hoặc làm bằng lụa, phần lớn dùng sắc trắng. Đàn ông dùng vải thắt lưng sau đó luôn xuống dưới hông trở ra phía trước, bọc lại. Đàn bà dùng vải lụa che ngực.*” [Thanh Triều văn hiến thông khảo, dẫn theo Trần Quang Đức 2013: 244].

Ghi nhận của Thái Đình Lan vào năm 1835 thời kỳ vua Minh Mạng về trang phục của người Việt như sau: “*Họ đều dùng lụa đem vấn đầu, mặc áo đen ống tay hẹp, quần may bằng lĩnh đỏ, đi chân đất. Quan viên Việt Nam ra ngoài cũng đều đi chân đất, áo không phân mùa nóng mùa lạnh, mùa đông vẫn mặc áo lụa mỏng. Người sang hay dùng hai màu lam, đen vấn khăn quanh đầu cũng vậy, quần đều màu đỏ.*” [Phan Kế Bính 2006: 324].

Sử gia Trần Trọng Kim cũng xác nhận tình trạng trang phục của thường dân người Việt đầu thế kỷ XX là “*cách ăn mặc thì chỉ có đồ vải nâu, người nghèo khổ chỉ có manh áo cánh và thường thì đóng cái khố, có đi đâu mới mặc cái quần vải dài đến đầu gối. Người sung túc mới có vài cái áo nâu, đen và vài cái quần hoặc nhuộm nâu hoặc để trắng.*” [Trần Trọng Kim 2008: 537].

Nói tóm lại từ kiểu dáng đến màu sắc trang phục của người Việt thường dân đều toát ra đặc điểm giản dị, tiện lợi thích ứng với điều kiện tự nhiên và

điều kiện lao động nông nghiệp lúa nước của Việt Nam. Mặc dù vậy vào dịp lễ hội thì trên cái nền giản dị ấy, trang phục Việt vẫn được biến tấu để đáp ứng nhu cầu mặc đẹp, khoe duyên của tình yêu đôi lứa, của không khí tung bừng trẩy hội. Vào những ngày này, lấp ló bên trong những chiếc áo dài thường nhật của các cô các chị là những chiếc áo ngắn nhiều màu rực rỡ như màu vàng chanh, hồng sen, vàng mỡ gà, hồng đào; xanh hồ thủy v.v... được mặc lồng vào nhau theo lối mặc mớ ba mớ bảy đem lại cho người mặc một sự thanh xuân, duyên dáng.

Chiếc yếm che ngực của phụ nữ Việt được xem là biểu tượng của nữ tính, yếm cũng không đơn điệu chỉ có màu trắng mà còn có thể có nhiều màu: hồng đào, đỏ (yếm thắm), mỡ gà v.v... thấp thoáng trong mớ khăn, áo của thiếu nữ Việt ngày hội cũng luôn gọi thi hứng trong ca dao Việt về tình yêu và những khát vọng thầm kín mãnh liệt của lứa đôi:

“Ước gì sông rộng một gang
Bắc cầu dài yếm cho chàng qua chơi.”
“Trầu em tằm tối hôm qua
Cát trong dải yếm cời ra mời chàng.”

Như vậy khi nói rằng đặc trưng của trang phục dân gian của người Việt thời kỳ truyền thống là giản dị, kiểu dáng đơn giản, ưa màu sẫm, tối thì cũng không có nghĩa nó không biết biến tấu để đáp ứng những nhu cầu đa dạng và phong phú của tâm hồn Việt. Tuy nhiên chúng ta đều biết rằng văn hóa Việt Nam ngay từ đầu công nguyên đã phải đối mặt với thử thách đồng hóa khốc liệt của quân xâm lược phương bắc. Ngoài ngôn ngữ, văn hóa mặc (bao gồm cả kiểu dáng đầu tóc và màu răng) với tư cách là tín hiệu riêng biệt của bản sắc văn hóa Việt đã là đối tượng bị quyết liệt phủ nhận để đồng hóa, xóa bỏ diện mạo cũ. Thử thách này diễn ra trong 1.000 năm. Văn hóa Việt nhờ vào nội lực mạnh mẽ của một nền văn hóa bản địa giàu bản sắc từ trước khi bị Trung Quốc xâm lược đã tạo được một phin lọc văn hóa kỳ diệu để có thể vừa tiếp nhận sâu sắc những thành tựu của một nền văn hóa lớn vĩ đại như

văn hóa Trung Quốc, vừa vẫn giữ được bản sắc của văn hóa Việt. Trong lĩnh vực trang phục, người Việt học rất nhiều từ văn hóa Trung Quốc nhưng phần tiếp nhận này chủ yếu cho dòng trang phục cung đình, trang phục của vua quan, còn dòng trang phục thường dân thì tuy cũng có những tiếp nhận từ văn hóa Trung Quốc¹ nhưng đặc trưng của trang phục Việt thì vẫn được gìn giữ. Đó chính là sự giản dị, tiện lợi rất riêng của cư dân xứ nóng vùng sông nước. Ngay từ năm 137 trước công nguyên, Hoài Nam Vương Lưu An gửi sớ cho vua Hán Vũ Đế đã viết: “Việt là vùng đất biên viễn, là dân cắt tóc xăm mình. Người Việt cắt tóc thì không thể dùng pháp độ của một nước đại vũ đế trị được”. [An Nam chí lược, dẫn theo Trần Quang Đức 2013: 138]. Tư Mã Thiên cũng cho biết “cắt tóc xăm mình, trở cánh tay, áo vật trái, ấy là dân Âu Việt.” [Sử ký Tư Mã Thiên 2006, dẫn theo Trần Quang Đức 2013: 139]. Người Trung Quốc gọi lối mặc áo cài khuy bên trái của người phương nam là *tả nhậm* để phân biệt với lối mặc áo dài cài khuy bên phải của người Trung Hoa là *hữu nhậm* [Trần Ngọc Thêm 2001: 385].

Ý chí bảo vệ bản sắc diện mạo người Việt trong cuộc chiến chống đồng hóa từ phương bắc thể hiện rõ trong bài hiệu triệu tướng sĩ của vua Quang Trung Nguyễn Huệ ở thế kỷ XVIII khi đánh quân Thanh:

*“Đánh cho để dài tóc
Đánh cho để răng đen
Đánh cho nó chích luân bất phản
Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn
Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ!”*

Rõ ràng là đặc trưng văn hóa mặc của người Việt ngoài việc chịu tác động của khí hậu và điều kiện lao động còn chịu tác động của điều kiện lịch sử chống đồng hóa đặc thù của lịch sử Việt Nam. Mặt khác chính điều kiện đặc thù bị xâm lược đồng

hóa, bị bóc lột và luôn phải tập trung tinh lực chống ngoại xâm nên điều kiện kinh tế để có quần là áo lượt xa xỉ là không thể với đa số thường dân. Vì vậy sự giản tiện còn phản ánh sự nghèo khó vất vả của đa số người dân Việt trong cuộc sống thường nhật.

1.2. Đặc trưng trang phục thường dân Việt có sự biến đổi từ TK XVIII đến TK XIX

Trong nguy cơ diệt tộc của 1.000 năm Bắc thuộc, bên cạnh việc bảo lưu tiếng Việt thì việc bảo lưu được diện mạo bên ngoài đặc trưng của văn hóa bản địa Việt Cổ: nam cời trần đóng khố, nữ đeo yếm, mặc váy, đi chân đất, tóc búi, ăn trầu, nhuộm răng đen, ura xăm mình, quả thật đã góp phần quan trọng vào việc làm thất bại âm mưu đồng hóa của quân xâm lược phương bắc.

Sau khi giành được độc lập, việc mô phỏng theo mô hình triều đại phong kiến Trung Quốc đã khiến cho triều nghi, phẩm phục của vua chúa quan lại Việt không thể không có sự mô phỏng, bắt chước theo diện mạo của trang phục cung đình phương bắc. Tuy nhiên, do ý thức được về việc gìn giữ bản sắc khác biệt để chống đồng hóa nên các triều đình Việt Nam cho đến thời Đại Việt vẫn muốn dân chúng giữ nguyên phong tục cũ trong đó có các loại y phục dân gian Việt cổ. Bằng chứng là các triều đình Việt Nam từ thời Lý đến thời Lê thậm chí đến thời Tây Sơn không có chính sách bắt ép thay đổi trang phục.

Chiều lên ngôi của vua Quang Trung ghi rõ: “y phục dân gian Nam hà, Bắc hà đều được theo phong tục cũ, chỉ có áo mũ trong triều thì nhất loạt theo quy định mới.” [dẫn theo Trần Quang Đức 2013: 40]. Tất nhiên trong dòng chảy giao lưu văn hóa, y phục dân gian Việt cũng đã tiếp nhận thêm những nhân tố của y phục Trung Hoa để có thêm áo tứ thân, áo giao lĩnh (còn gọi là áo tràng vạt) cho cả nam lẫn nữ trong trường hợp sinh hoạt giao tiếp xã hội nhưng những y phục của Việt cổ (khố, váy, yếm) vẫn là loại trang phục dân gian đặc trưng của y phục Việt.

¹ Theo Đoàn Thị Tình và Trần Quang Đức thì áo tứ thân của phụ nữ Việt có nhiều nét tương đồng với áo bố tử của phụ nữ nhà Tống. [Xem Đoàn Thị Tình 2010: 55 và Trần Quang Đức 2013: 90].

Tuy nhiên từ thế kỷ XVIII, lịch sử Việt Nam có một sự phát triển đột phá về lãnh thổ rất hiếm có vào thời kỳ đó, đó là sự phát triển gấp đôi lãnh thổ về phía nam đi kèm với sự hùng cứ của dòng họ Nguyễn ở khu vực lãnh thổ mới.

Vì quyền lợi thống trị, các tập đoàn phong kiến Việt Nam ở hai khu vực này tiến hành cuộc nội chiến tương tàn nhưng không phân được thắng bại. Kết cục đất nước bị phân làm hai nửa, lấy sông Gianh (Quảng Bình) làm ranh giới. Từ bờ bắc sông Gianh trở ra vùng đất cũ thuộc sự cai trị của họ Trịnh gọi là Đàng ngoài, từ bờ nam sông Gianh vào phía nam vùng đất mới thuộc sự cai trị của dòng họ Nguyễn gọi là Đàng trong. Để độc lập với Đàng ngoài, chúa Nguyễn Phúc Khoát đã ra sắc lệnh thay đổi triều nghi phẩm phục và quần áo trong dân gian. Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức ghi rõ: “*Năm Mậu Ngọ (1744) Thế Tông Hiếu Võ Hoàng Đế nguyên niên cải định sắc phục, quan phục của văn võ bá quan, tham chước các đời Hán Đường đến chế độ Đại Minh và kiểu dáng của chế độ mới (chỉ nhà Thanh) như trang phục của các phẩm quan dựa theo hội điển ban hành ngày nay, văn chất đã đủ đầy. Trang phục nhà cửa đồ dùng trong dân gian đại để như thể chế Đại Minh, xóa hết thói tục hủ lậu của Bắc Hà, trở thành một nước áo mũ văn hiến.*” [Trịnh Hoài Đức 1999: 369].

Tổng hợp nhiều ghi chép về sự kiện này Trần Quang Đức đã nhận định: “*cải cách năm 1744 là một cuộc cải cách lớn về y phục cung đình và dân gian diễn ra trên toàn cõi Đàng trong. Nguồn tham khảo chính để đặt định y phục là các sách Hội điển ghi chép điển chương chế độ của các triều đại Hán, Đường, Tống, Minh, Thanh, đặc biệt là Tam Tài đồ hội của Vương Kỳ thời Minh.*” [Trần Quang Đức 2013: 260-261].

Vào thế kỷ XIX sau khi đất nước thống nhất, người tiếp tục cuộc cải cách này một cách kiên quyết là Minh Mạng. Hội điển ghi lời dụ của Minh Mạng năm 1837 như sau: “*Trước đây từ sông Gianh trở ra ngoài y phục vẫn noi theo thói tục hủ*

lậu, nay đặc biệt chỉ dụ lệnh phải thay đổi theo cách ăn mặc từ Quảng Bình trở vào để đồng nhất phong tục [...] Từ Quảng Bình trở vào Nam quần áo mũ mào nhất nhất noi theo chế độ Hán Minh, trang phục tề chỉnh so với tục cũ của người miền Bắc, đàn ông đóng khố, đàn bà mặc áo giao lĩnh, dưới mặc thường tròn đẹp xấu chẳng phải rõ ràng để thấy sao.” [Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ - dẫn theo Trần Quang Đức 2013: 262].

Đã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục cho biết một trong những sắc lệnh của vua Minh Mạng là “*cấm đàn ông đóng khố, đàn bà không được mặc váy kiêu áo tử thân, nhất loại dùng quần có chân và áo năm thân theo lệnh của Hiếu Võ hoàng đế năm xưa ở Thuận Hóa.*” [Đã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục, dẫn theo Trần Quang Đức 2013: 264].

Sự “chủ động” đồng hóa y phục Việt theo Trung Quốc này của dòng họ Nguyễn xuất phát từ lợi ích của dòng họ muốn xóa bỏ văn hóa cội rễ của thời Việt cổ vốn là khu vực đất cũ Đàng ngoài, đồng thời cũng phản ánh tư tưởng vọng ngoại tôn sùng và triệt để theo văn hóa Trung Quốc của triều đại Nguyễn. Sự cưỡng ép này đã tạo ra phản ứng của người dân vùng Bắc Hà, phản ánh trong ca dao Việt:

“Tháng tám có chiếu vua ra
Cấm quần không đáy người ta hải hùng
Không đi thì chợ không đông
Đi thì phải mượn quần chông sao đang
Có quần ra đứng bán hàng
Không quần ra đứng đầu làng trông quan.”

Mặc dù có phản ứng lại và trên thực tế trang phục khăn khố, váy đụp vẫn tồn tại trong một bộ phận dân chúng Việt cho đến tận đầu thế kỷ XX nhưng rõ ràng từ thời Minh Mạng về sau loại trang phục này dần dần không còn được coi là đại diện cho diện mạo y phục Việt nữa mà nhường chỗ cho loại áo cổ đứng, năm thân cài khuy cùng quần hai ống cho cả nam và nữ. Loại áo này không ngừng thay đổi độ dài rộng của ống tay, vạt áo, cổ áo để

dần dần thay thế trang phục cổ tròn và áo giao lĩnh của các triều đại trước đây.

Như vậy do đặc thù phát triển về lãnh thổ và sự thăng thế của lực lượng thống trị ở vùng lãnh thổ mới (đòng họ Nguyễn) mà y phục mặc thường nhật của người Việt đã bị cưỡng bức thay đổi. Trên cơ sở những tiếp nhận trước đó của y phục Trung Hoa diện mạo của y phục Việt từ thế kỷ XVII trước tiên là ở Đàng trong và sau khi thống nhất đất nước là cả Đàng ngoài đã có sự biến đổi cơ bản về kiểu dáng và diện mạo. Cho dù vẫn còn những đặc điểm khác biệt, song sự biến đổi này là theo xu hướng gần với diện mạo y phục Trung Quốc hơn.

Trang phục dân gian Việt còn có một sự cải tiến quan trọng ở đầu thế kỷ XX khi tiếp xúc với văn hóa phương Tây vào thời kỳ lịch sử cận đại để dần dần có một sự định hình diện mạo trang phục như ngày nay.

2. Đặc trưng của văn hóa mặc Hàn Quốc thời kỳ truyền thống

Hàn Quốc không có một lịch sử bị xâm lược thống trị và đồng hóa lâu dài như Việt Nam, không có vấn đề phát triển đột biến về lãnh thổ và các triều đại phong kiến Hàn Quốc có thời gian thống trị lâu dài nhiều thế kỷ [chẳng hạn như triều đại Chosun từ thế kỷ XIV đến đầu thế kỷ XX (1392-1910)], do đó Hàn Quốc ít phải đối mặt với nguy cơ đồng hóa từ ngoại xâm và ít bị cưỡng bức thay đổi y phục theo sự thay đổi triều đại. Với những điều kiện đó, y phục truyền thống của Hàn Quốc có kiểu dáng tồn tại ổn định hơn. Theo các nhà nghiên cứu thì trang phục truyền thống của Hàn Quốc (được gọi là Hanbok - Hàn phục) có từ thời Tam quốc (57 TCN - 668) và trong quá trình lịch sử tuy cũng có những thay đổi chi tiết nhưng về cấu tạo và kiểu dáng cơ bản thì vẫn được bảo tồn cho đến tận ngày nay. Người ta đã tìm thấy bức tranh cổ trong mộ thời Goguryeo có vẽ hình nam nữ với bộ trang phục có kiểu dáng hầu như không khác biệt nhiều với ngày nay.

2.1. Hanbok nổi bật ở sự rực rỡ màu sắc và sự trang trọng lễ nghi

Người Hàn ví đất nước mình đẹp như gấm thêu hoa bởi vì thiên nhiên ở Hàn Quốc luôn phô diễn vẻ đẹp diễm lệ của hoa lá cỏ cây trên những rặng núi xanh mướt đan chéo khắp bán đảo Hàn. Do đó màu sắc của các bộ Hanbok của các loại giấy gói quà, dán tường đều phản ánh sự cảm nhận màu sắc chan hòa tươi thắm hùng vĩ của núi sông, hoa lá, cây cỏ trên bán đảo Hàn suốt bốn mùa xuân hạ thu đông.



Hình 3. Vẻ trang trọng, lễ nghi của Hanbok

Sự rực rỡ của các màu chói: màu đỏ rực, màu hồng cánh sen, màu vàng chanh, màu xanh lá thắm, vàng nghệ, màu xanh dương sẫm v.v... được ưa dùng. Mặc khác do kiểu dáng trang phục Hanbok cả nam và nữ (đặc biệt là Hanbok nữ) đều dài, rộng nên mảng màu sáng trải rộng trên bề mặt trang phục tạo nên một ấn tượng rực rỡ rất nổi bật. Kiểu dáng dài rộng đó của Hanbok nữ dường như có chủ ý che dấu sự bộc lộ hình thể của cơ thể theo quan niệm phương Đông nên nhìn vào người mặc Hanbok khó

cảm nhận được đường nét cơ thể do đó tạo ra ấn tượng nghiêm trang và lễ nghi cho bộ Hanbok. Quả thật Hanbok toát lên một vẻ đẹp trang trọng và lễ nghi của văn hóa Hàn. Trước hết Hanbok là loại trang phục được may rất kỹ lưỡng tốn công sức. Cấu tạo của Hanbok nữ gồm một chiếc váy (ch'ima) dài, rộng trùm kín từ trên ngực, phủ xuống tận gót chân và một chiếc áo khoác có tay dài nhưng vạt lại rất ngắn chỉ đủ che phần vai và chạm tới phần trên của ch'ima. Trên thân váy gấu váy, nẹp áo, viền tay, viền cổ áo thường được thêu các hoa văn lá, hoa, con vật với đường kim mũi chỉ và sự pha màu tinh tế, công phu. Hanbok nữ luôn cần phải có một bộ váy lót thường là màu trắng ngắn hơn váy bên ngoài, được mặc cho cả bên trên và bên dưới (váy liền áo) nhưng gọn hơn mặc ở phía trong trước khi mặc váy và áo khoác ra ngoài. Hanbok nữ còn có một bộ phận đặc trưng không thể thiếu đó là dải ruy-băng mềm mại được thắt lại hình chiếc nơ nằm ngang phía bên trái ngực, dải nơ dài buông xuống rất duyên dáng và nữ tính.



Hình 4. Hanbok dành cho nam giới và nữ giới

Hanbok dành cho nam giới bao gồm quần (Baji) và áo khoác hoặc vest tay ngắn và áo khoác ngắn (turumari). Quần và áo của Hanbok nam cũng sử dụng gam màu rực rỡ: huyết dụ, xanh lục, xanh biển đậm, hồng nhạt, vàng v.v... Quần của Hanbok nam được may rộng, đũng dài lưng quần cao và có nhiều loại dây màu để thắt ngang trán hoặc ngang bụng, bộ cúc áo của Hanbok nam được làm từ hổ phách hoặc đá quý thành một dây lớn treo lủng lẳng trước áo như một món đồ trang sức.

Chất liệu vải may Hanbok cũng thường là lụa tơ tằm, vải satin, vải cotton, hoặc một loại vải bông dệt tay công phu được hồ nhẹ để tạo dáng Hanbok.

Rõ ràng trang phục Hanbok thể hiện sự tỉ mỉ sự cẩn thận chăm chút từng chi tiết đem đến vẻ trang trọng chính tề cho người mặc.

Độ rộng thùng thình của Hanbok thoát nhìn có vẻ thiếu sự thanh thoát nhưng lại rất hợp với văn hóa trọng lễ nghi của Hàn Quốc. Hanbok buộc người mặc phải có phong thái khoan thai, lễ độ và cho phép họ dễ dàng thực hiện các lễ nghi quý lạ hay sinh hoạt trên sân nhà theo phong cách “tọa thực” của văn hóa Hàn.

Chúng ta biết rằng nguyên lý âm dương ngũ hành có ảnh hưởng sâu sắc trong văn hóa nhận thức của Hàn Quốc và được thể hiện rất nổi bật ở màu sắc. Ba màu xanh, đỏ, vàng trong tam thái cực trở thành màu đặc trưng của văn hóa Hàn. Các màu sắc của Hanbok không phải chỉ chịu sự chi phối của thẩm mỹ mà còn chịu sự chi phối của các nguyên lý âm dương ngũ hành. Các màu sắc Hanbok của thiếu nữ chưa chồng là màu đỏ, vàng hoặc trắng nhưng Hanbok của phụ nữ đã có chồng là váy màu xanh (âm) và áo màu đỏ (dương) để chứng tỏ âm dương đã hòa hợp. Quần áo của trẻ em gồm áo sektong, quần pungcha. Áo sektong có hai ống tay dài may vải năm màu theo ngũ hành để đem lại sự may mắn an lành cho em bé. Trẻ em cũng có thể có áo khoác ngoài obangchang, durimagi (áo ngũ phương) với các bộ phận của áo (mặt trong, mặt ngoài của thân áo, nơ áo, cổ áo, viền cổ áo) có năm màu của ngũ

hành. Vẻ đẹp rực rỡ trang trọng sâu sắc triết lý âm dương ngũ hành và rất thích hợp với văn hóa trọng lễ nghi của Hanbok là sự kết tinh văn hóa và thẩm mỹ của người Hàn nên nó được xem là một trong

những di sản văn hóa truyền thống quý giá mà người Hàn cho đến nay vẫn rất đỗi tự hào cho dù lịch sử trang phục của Hàn Quốc từ thời hiện đại đã sang trang.



Hình 5. Âm dương ngũ hành trong trang phục trẻ em

2.2. Văn hóa mặc của Hàn Quốc mang đậm đặc trưng tôn ty của văn hóa Hàn

Trong xã hội đậm văn hóa tôn ty như xã hội Hàn truyền thống thì trang phục không thể không trở thành một loại tín hiệu quan trọng để thể hiện sự khác biệt đẳng cấp, địa vị xã hội, tuổi tác của người mặc. Có những quy định rất cụ thể của nhiều triều đại Hàn Quốc về loại vải, về màu sắc cho từng đẳng cấp, địa vị xã hội và tùy theo độ tuổi của người mặc. Điều đó cho thấy văn hóa mặc của Hàn Quốc thời kỳ truyền thống in dấu đậm nét văn hóa tôn ty. Mặc dù đặc trưng màu sắc của Hanbok là các gam màu rực rỡ và kiểu dáng là dài rộng nhưng phụ nữ Hàn tầng lớp lao động chỉ được mặc vải mộc và Hanbok hẹp. Theo quy định thời Chosun, phụ nữ tầng lớp quý tộc yangban mặc váy rộng 12 pok (đơn vị đo của Hàn Quốc) và gấp vạt về phía bên trái còn thường dân thì bị cấm may váy rộng hơn 10 pok và vạt áo thì bắt buộc phải gấp về bên phải. Chất liệu vải lụa, satin, vải chất liệu nhẹ và các màu rực rỡ chỉ dành cho tầng lớp quý tộc và có địa vị xã hội.

Còn thường dân bị pháp luật quy định phải may văng vải gai, vải lanh và chỉ được mặc màu trắng hoặc màu đen. Do số đông thường dân mặc áo màu trắng nên Hàn Quốc còn được gọi là “*dân tộc bạch y*”. Trong trường hợp đặc biệt có báo hi mới được mặc áo màu đỏ và trong lễ hội có thể được mặc thêm gam màu nhạt như hồng nhạt, xanh nhạt.

Một bộ Hanbok còn rất nhiều phụ kiện đi kèm như mũ thêu gấm, thêu hoa, dải hoa thêu, hài gấm, trâm cài v.v... và cũng chỉ có quý tộc hay người giàu, người có địa vị mới được mặc Hanbok kèm các phụ kiện còn thường dân, người nghèo khổ thì chỉ mặc áo màu gam nhạt và không được (hoặc không thể có) phụ kiện mặc kèm. Sự phân biệt tôn ty của trang phục Hanbok là rất nghiêm ngặt vì trang phục lúc đó là tín hiệu của đẳng cấp, của thứ bậc tôn ty chứ không chỉ đơn thuần là áo quần hay nói cách khác văn hóa mặc của Hàn Quốc chịu sự chi phối mạnh mẽ của văn hóa tôn ty. Một đặc trưng nổi bật của xã hội Hàn.



Hình 6. Các phụ kiện cho Hanbok

Chúng ta biết rằng trang phục cho mỗi bộ phận cơ thể cho mỗi giới, mỗi độ tuổi, mỗi dân tộc v.v... là rất đa dạng phong phú, đồng thời có một lịch sử phát triển lâu dài cùng với lịch sử hình thành và phát triển của tộc người Hàn Quốc và Việt Nam đều là các quốc gia có lịch sử cổ kính và đều trải qua những giai đoạn lịch sử tiếp biến với các ảnh hưởng văn hóa bên ngoài. Tìm hiểu đặc trưng văn hóa mặc

của từng giai đoạn lịch sử của hai quốc gia là một đề tài thú vị nhưng cũng đòi hỏi phải có những khảo cứu và nghiên cứu công phu. Phần nghiên cứu đặc trưng văn hóa mặc của văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc vừa đề cập trên chỉ là một nghiên cứu bước đầu và cũng chỉ là một bộ phận và một giai đoạn của nội dung văn hóa trang phục rộng lớn đa dạng của hai nền văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc.

Cultural features in the way of clothing of Korean and Vietnamese traditional cultures

- **Tran Thi Thu Luong**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

The demand for clothing belongs to the need to ensure the survival of humans and human society. Clothing is the cultural

achievements dealing with the natural environment. Together with social development process, clothes serve as signaling messages

about social status, profession, economic conditions, aesthetic taste of the wearer. Therefore, in the basic structure of the culture of physical life organization, clothing – one of the three basic needs (food, shelter, clothing) deeply expresses cultural characteristics of the

subject. This paper presents striking cultural features of Vietnamese and Korean civilians' everyday clothing in Vietnamese and Korean traditional culture periods (before exposure to Western culture).

Key words: cultural features in the way of clothing, Vietnamese and Korean traditional cultures

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Quang Đức (2013), *Ngàn năm áo mũ*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- [2]. Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp TP. HCM, TP. Hồ Chí Minh.
- [3]. Trần Trọng Kim (2008), *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [4]. Phan Kế Bính (2006), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [5]. Đoàn Thị Tinh (2010), *Trang phục Thăng Long Hà Nội*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [6]. Trịnh Hoài Đức (1999), *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [7]. 고부자 (2001), *우리 생활 100년 - 옷 14*. 서울: 현암사 (Go Bu Ja, *100 năm sinh hoạt, tập 14: trang phục*, Nxb. Hyeonamsa, Seoul).
- [8]. 김정호 (2007), *2000년 우리 옷 이야기*. 서울: 한남대학교 (Kim Jeong Ho, *Câu chuyện trang phục Hàn Quốc 2000 năm*, Nxb. Trường Đại học Hannam, Seoul).
- [9]. 박금주의 (2004), *한국문화의 이해*. 서울: 배재대학교 (Park Geum Ju & nnk, *Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc*, Nxb. Trường Đại học Baejae, Seoul).